

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2021

V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Ông Nguyễn Hạ Tuấn

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:**

Ông Trịnh Minh Sỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Cầm Thị N** - sinh năm 1987. Nguyên quán: xã M, huyện M1, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã Q2, huyện U, Hà Nội (có đơn xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh **Lê Trọng Q** - sinh năm 1982. Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã Q1, huyện U, thành phố Hà Nội (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Cầm Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Trọng Q qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mùòng Bú, huyện Mùòng La, tỉnh Sơn La vào năm 2006. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, bản thân chị cũng cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ chồng càng phai

nhật bấy nhiêu. Từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân chính là do anh Q không tu chí làm ăn, chơi bời thường xuyên; nợ nần có dấu hiệu nghiện ma túy. Không hề có trách nhiệm lo toan kinh tế gia đình, vun vén hạnh phúc. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng không được nên chị đã về ngoại sống ly thân với anh Q từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Vì vậy, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh Q. Về con chung: chị và anh Q có 03 con là Lê Quỳnh A - sinh ngày 23/02/2007, Lê Trọng H - sinh ngày 26/10/2008 và Lê Trọng N - sinh ngày 25/9/2012. Cả 03 cháu đều đang ở với anh Q. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nhận nuôi cả ba con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con; trường hợp không được thì chị nhận nuôi cháu Quỳnh A và cháu Nhân vì cháu Quỳnh A là con gái còn cháu Nhân lại còn ít tuổi. Bản thân chị đang mở cửa hàng làm móng tại quê ngoại ở Sơn La; trong khi đó anh Q không có công việc ổn định. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Trọng Q trình bày: Anh và chị Cẩm Thị N qua một thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La năm 2006. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng diễn ra bình thường. Cuối năm 2020 thì chị N bỏ nhà đi. Anh khuyên bảo nhưng chị N không quay về. Nay chị N có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì các con đã lớn còn nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung có 03 con chung là Lê Quỳnh A - sinh ngày 23/02/2017, Lê Trọng H - sinh ngày 26/10/2008 và Lê Trọng N - sinh ngày 25/9/2012. Hiện cả ba cháu đang ở với anh. Ly hôn thì anh không muốn chị N nuôi con bởi các cháu đang ở ổn định với anh, chị N thì chưa có nhà cửa; trường hợp chị N cương quyết muốn nuôi con thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật, chị N thích nuôi cháu nào cũng được kể cả nuôi ba con. Về tài sản và công nợ: anh không đề nghị Tòa giải quyết. Đồng thời anh Q có ý kiến: anh sẽ không ký bất kỳ giấy tờ, văn bản gì và xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa cũng như phiên tòa xét xử cho đến khi vụ án kết thúc.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Quỳnh A, Lê Trọng H và Lê Trọng N trình bày: Các cháu là con của bố Lê Trọng Q và mẹ Cẩm Thị N. Hiện tại bố mẹ các cháu ly thân và các cháu đang ở với bố. Các cháu được biết mẹ có đơn ly hôn bố, các cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ; trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu ở với ai cũng được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, đều giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải

quyết xử cho chị Cẩm Thị N được ly hôn anh Lê Trọng Q. Về con chung, giao cho chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Lê Quỳnh A - sinh ngày 23/02/2007 và Lê Trọng N - sinh ngày 25/9/2012; giao cho anh Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Trọng H - sinh ngày 26/10/2008; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh Q cho đến khi có thay đổi khác. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Cẩm Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Trọng Q và đề nghị được nuôi cả ba con; tài sản, công nợ chung, chị không yêu cầu đề nghị tòa giải quyết. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Lê Trọng Q có đăng ký nơi cư trú: Thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Cẩm Thị N và anh Lê Trọng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La ngày 27/6/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; vợ chồng không có niềm tin với nhau. Vợ chồng liên tục xảy ra xô xát, chửi mắng nhau. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian. Nay chị N cương quyết xin ly hôn anh Q. Anh Q có ý kiến không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật..

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Chị N và anh Q kết hôn năm 2006, hai anh chị sinh sống và làm việc tại địa phương. Về cuộc sống hôn nhân của hai anh chị, địa phương chỉ biết hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị N có đơn ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị N và anh Q mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Cầm Thị N và anh Lê Trọng Q đều xác nhận có 03 con chung là Lê Quỳnh A - sinh ngày 23/02/2007, Lê Trọng H – sinh ngày 26/10/2008 và Lê Trọng N - sinh ngày 25/9/2012. Chị N đề nghị được nuôi cả ba con, trường hợp không được chị nhận nuôi cháu Quỳnh A và cháu Nhân. Anh Q thì không có quan điểm rõ ràng: khi thì có quan điểm không muốn chị N nuôi con, khi thì có ý kiến chị N thích nuôi cả ba con anh cũng đồng ý.

Xét, để ổn định sinh hoạt cũng như tuổi của cả ba cháu Anh, H và Nhân, Hội đồng xét xử thấy: Chị N và anh Q đều là lao động tự do, chưa có nhà riêng. Như vậy, xét về điều kiện kinh tế và chỗ ở thì cả hai anh chị đều có điều kiện để nuôi dạy các con như nhau. Xong hiện tại cả ba cháu đều trên 7 tuổi và có quan điểm ở với ai cũng được. Bản thân cháu Quỳnh A là con gái đang tuổi dậy thì, có những thay đổi về tâm sinh lý; cháu Nhân còn ít tuổi nên vẫn cần sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt từ người mẹ nên cần giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu H là con trai cũng đang tuổi dậy thì, thay đổi tâm sinh lý của tuổi mới lớn nên giao cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, giao 02 con chung là cháu Quỳnh A và cháu Nhân cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu H cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Chị N và anh Q đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con, nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh Q cho đến khi có thay đổi mới khác; chị N và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Cầm Thị N và anh Lê Trọng Q không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Cầm Thị N phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Cẩm Thị N được ly hôn anh Lê Trọng Q.

2. Về con chung: Sau ly hôn - Giao chị Cẩm Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Quỳnh A - sinh ngày 23/02/2007 và Lê Trọng N - sinh ngày 25/9/2012; Giao anh Lê Trọng Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Lê Trọng H – sinh ngày 26/10/2008; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị N và anh Q cho đến khi có đề nghị thay đổi mới khác. Chị N và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Cẩm Thị N và anh Lê Trọng Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cẩm Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057152 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi đã Đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện